

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **164/2021/QĐST-HNGĐ**

Sơn Dương, ngày 25 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Mí S, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N. và anh Hoàng Mí S..

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị N. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 11/01/2017.

Anh Hoàng Mí S. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/ 01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng. Anh Hoàng Mí S. có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị N. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị N. và anh Hoàng Mí S. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Trần Thị N. và anh Hoàng Mí S. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N. phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001695 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị N. số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Hoàng Mí S. phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến